

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY

Phòng 705 Tòa nhà TungShing Square số 2 phố Ngô Quyền, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY

Quý 2 năm 2011

Hà Nội, tháng 8 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		90.440.528.916	88.721.218.897
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	213.803.135	2.127.614.738
111	1. Tiền		213.803.135	327.614.738
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.800.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.501.902.329	9.094.975.909
131	1. Phải thu khách hàng		228.000.000	243.212.526
135	2. Các khoản phải thu khác	5	14.273.902.329	8.851.763.383
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		75.724.823.450	77.498.628.250
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		119.426.024	275.480.930
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		491.311.294	948.195.354
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	75.114.086.132	76.274.951.966
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		628.841.846.138	621.421.915.845
220	I. Tài sản cố định		1.444.020.138	1.664.089.845
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	1.396.174.345	1.600.295.454
222	Nguyên giá		2.041.487.066	2.041.487.066
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(645.312.721)	(441.191.612)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	47.845.793	63.794.391
228	Nguyên giá		95.691.587	95.691.587
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(47.845.794)	(31.897.196)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	626.679.815.000	619.039.815.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	9.1	595.694.690.000	589.194.690.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	9.2	1.000.000.000	1.000.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	9.3	29.985.125.000	28.845.125.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		718.011.000	718.011.000
263	1. Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn		718.011.000	718.011.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		719.282.375.052	710.143.134.742

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.224.458.998	1.189.656.998
310	I. Nợ ngắn hạn		1.224.458.998	1.189.656.998
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.842.908	6.842.908
315	2. Phải trả công nhân viên		175.087.000	-
319	3. Các khoản phải trả, phải nộp khác		1.042.529.090	1.182.814.090
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	10	718.057.916.054	708.953.477.744
410	I. Vốn chủ sở hữu		718.057.916.054	708.953.477.744
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành	10.1	605.000.000.000	605.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	10.1	99.455.000.000	99.455.000.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.1	13.602.916.054	4.498.477.744
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		719.282.375.052	710.143.134.742

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày tháng 8 năm 2011



Vũ Ngọc Tú
Phó tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Quý 2 năm 2011	Quý 2 năm 2010	6 tháng đầu Năm 2011	6 tháng đầu Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.1		829.090.909	-	1.084.090.909
0	2. Các khoản giảm trừ DT	11.1			-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	11.1		829.090.909	-	1.084.090.909
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ				-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV			829.090.909	-	1.084.090.909
21	6. Doanh thu HĐ tài chính	11.2	5.852.377.898	2.340.090.793	12.000.233.691	3.504.967.894
22	7. Chi phí tài chính		(3.884.268)	(24.524.531)	(5.255.520)	(40.743.841)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay			(19.739.223)	-	(19.739.223)
24	8. Chi phí bán hàng				-	-
25	9. Chi phí quản lý DN		(1.403.137.115)	(3.175.421.202)	(2.894.814.854)	(4.397.517.886)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.445.356.515	(30.764.031)	9.100.163.316	150.797.076
31	11. Thu nhập khác				4.275.000	-
32	12. Chi phí khác				-	-
40	13. Lợi nhuận khác				4.275.000	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.445.356.515	(30.764.031)	9.104.438.316	150.797.076
51	15. Chi phí thuế TNDN	13			-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.445.356.515	(30.764.031)	9.104.438.316	150.797.076

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày tháng 8 năm 2011

CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH
NINH VÂN BAY
Vũ Ngọc Tú
Phó tổng Giám đốc

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		9.104.438.316	150.797.076
01	Lợi nhuận trước thuế			
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	7,8	220.069.707	207.781.463
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	11.2	(11.560.119.792)	(2.450.629.144)
	Lãi tiền gửi và tiền cho vay	11.2	(440.113.899)	(1.054.338.750)
06	Chi phí lãi vay		-	19.739.223
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.675.725.674)	(3.126.650.132)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(4.697.127.553)	79.171.696.520
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		9.401.362.000	(80.372.766.972)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		156.054.907	(1.227.873.133)
13	Tiền lãi vay đã trả		-	(18.944.444)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(89.435.526)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	4.060.521.896
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(718.011.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		2.184.563.680	(2.321.462.791)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(422.538.079)
23	Tiền chi cho vay		(9.866.560.000)	13.700.000.000
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		500.000.000	-
25	Tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(181.541.535.100)
	Tiền chi để mua các công ty con, trừ đi tiền thu về		(6.500.000.000)	-
28	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.768.184.717	3.504.967.894
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(4.098.375.283)	(164.759.105.285)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	199.455.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(7.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	192.455.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.913.811.603)	25.374.431.924
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.127.614.738	14.647.881.656
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	213.803.135	40.022.313.580

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày tháng 8 năm 2011


Vũ Ngọc Tú
Phó tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
0103013874	Ngày 3 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 27 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 28 tháng 9 năm 2009
0103013874	Ngày 2 tháng 12 năm 2009
0102051941	Ngày 12 tháng 2 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 5 năm 2010
0102051941	Ngày 15 tháng 7 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 9 năm 2010
0102051941	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 20 tháng 6 năm 2011

Ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- Khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị xây dựng và trang trí nội, ngoại thất; và
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại phòng 705, tòa nhà Tungshing Square, số 2 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con chính sau:

- Công ty TNHH Hai Dung

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 3600805594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2006, với số vốn điều lệ là 110 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh bất động sản, đầu tư khu du lịch sinh thái và kinh doanh nhà nghỉ, nhà hàng và dịch vụ ăn uống. Công ty có trụ sở đặt tại ấp Bến Cọ, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và văn phòng giao dịch đặt tại số 24 Yến Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2011

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

► *Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải*

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008, với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lưu hành. Công ty có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

► *Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú*

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2008, với số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng và dịch vụ ăn uống. Công ty có trụ sở đặt tại tầng 8, tòa nhà LOD, số 28 đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

► *Công ty TNHH Một thành viên Cầu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay*

Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0310273430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 10 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là phát hành và quản lý thẻ nghỉ dài hạn. Công ty có trụ sở đặt tại lầu 1, Cao ốc Central Point, Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 6 tháng 5 năm 2011, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ nói trên vào công ty con này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 09/2010/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cần lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành nói chung và chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ nói riêng và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc của Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty trong tương lai.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam ("VND").

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành nói chung và chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ nói riêng và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc của Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty trong tương lai.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam ("VNĐ").

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự mà công ty không thể thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần, kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền mặt	27.819.220	102.458.042
Tiền gửi ngân hàng	185.983.915	225.156.696
Các khoản tương đương tiền	-	1.800.000.000
TỔNG CỘNG	213.803.135	2.127.614.738

Các khoản tương đương tiền tại 31 tháng 12 năm 2010 là khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng và có lãi suất là 13,7%/năm.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản cố định
vô hình khác

Nguyên giá:	
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2011	95.691.587
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	95.691.587
Giá trị hao mòn:	
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2011	31.897.196
Khấu hao trong năm	15.948.598
Thanh lý, nhượng bán	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	47.845.794
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2011	63.794.391
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	47.845.793

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đầu tư vào công ty con	595.694.690.000	589.194.690.000
Đầu tư vào công ty liên kết	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	29.985.125.000	29.985.125.000
TỔNG CỘNG	626.679.815.000	620.179.815.000

9.1 Đầu tư vào các công ty con

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá trị đầu tư	
Tên đơn vị	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Công ty TNHH Hai Dung	204.742.800.000	204.742.800.000
Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	304.451.890.000	304.451.890.000
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	76.500.000.000	76.500.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay	10.000.000.000	3.500.000.000
TỔNG CỘNG	595.694.690.000	589.194.690.000

Chi tiết thông tin về các công ty con đã được trình bày tại Thuyết minh số 1.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2011

9.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Công ty Cổ phần Khách sạn Tuyển tập Đông Dương (cổ phiếu phổ thông)	25%	25%

Công ty Cổ phần Khách sạn Tuyển tập Đông Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0309349879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2009, với số vốn điều lệ là 10 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng, kinh doanh khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Công ty có trụ sở đặt tại số 6 Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 30 tháng

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

9.3 Đầu tư dài hạn khác

Tên đơn vị	Đơn vị tính: VND	
	30 tháng 6 năm 2011	30 tháng 06 năm 2010
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (Thuyết minh số 6)	15.900.000.000	15.900.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt (Thuyết minh số 6)	14.085.125.000	14.085.125.000
TỔNG CỘNG	29.985.125.000	29.985.125.000

Chi tiết đầu tư dài hạn khác như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Tỉnh Quảng Nam	10%	Phát triển và vận hành khu nghỉ dưỡng Ana Mandara Hội An
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	10%	Phát triển và vận hành khu Du lịch Sinh thái Biển Cao cấp Lạc Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2011

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

10.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010:				
Số dư đầu năm	505.000.000.000	-	5.876.335.925	510.876.335.925
- Tăng vốn	100.000.000.000	99.455.000.000	-	199.455.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	150.797.076	150.797.076
Số dư cuối năm	605.000.000.000	99.455.000.000	6.027.133.001	710.482.133.001

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011:

Số dư đầu năm	605.000.000.000	99.455.000.000	4.498.477.744	708.953.477.744
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	9.104.438.310	9.104.438.310
Số dư cuối năm	605.000.000.000	99.455.000.000	13.602.916.054	718.057.916.054

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

10.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	30 tháng 6 năm 2011			31 tháng 12 năm 2010		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của cổ đông sáng lập	256.837.980.000	256.837.980.000	-	256.837.980.000	256.837.980.000	-
Vốn góp của cổ đông khác	348.162.020.000	348.162.020.000	-	348.162.020.000	348.162.020.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	99.455.000.000	99.455.000.000	-	99.455.000.000	99.455.000.000	-
	704.455.000.000	704.455.000.000	-	704.455.000.000	704.455.000.000	-

10.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	605.000.000.000	505.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	100.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	605.000.000.000	605.000.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2011

10.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.500.000	60.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	60.500.000	60.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	60.500.000	60.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.500.000	60.500.000
Cổ phiếu phổ thông	60.500.000	60.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2011

11. DOANH THU

11.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VNĐ	
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	
Tổng doanh thu	-	1.084.090.909
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.084.090.909
Các khoản giảm trừ doanh thu		-
Doanh thu thuần	-	1.084.090.909
Trong đó:		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	1.084.090.909

11.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ	
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	440.113.899	1.054.338.750
Lãi từ hoạt động đầu tư cổ phiếu	-	400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.560.119.792	2.050.629.144
TỔNG CỘNG	12.000.233.691	3.504.967.894

12. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	
Chi phí nhân công	1.814.430.755	1.718.914.153
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	220.069.707	207.773.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	682.618.241	1.806.480.316
Chi phí khác	182.951.678	705.093.943
TỔNG CỘNG	2.900.070.381	4.438.261.727

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Ngày tháng 8 năm 2011



Vũ Ngọc Tú
Phó tổng Giám đốc